

Số: Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Sở GDĐT(GDĐT) ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trong ngành GDĐT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của ngành GDĐT tỉnh.

- Lấy người học, giáo viên và cơ sở giáo dục làm trung tâm; phát huy sức mạnh của toàn ngành giáo dục và sự tham gia của toàn xã hội trong thu thập, xây dựng, phát triển, khai thác, sử dụng và làm giàu dữ liệu giáo dục. Nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tiên phong trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Phát triển nguồn nhân lực trong quản lý giáo dục, số hóa, tạo lập và xử lý dữ liệu, ứng dụng các công nghệ số trong thu thập, phân tích và khai thác dữ liệu nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Phát triển, quản lý và khai thác dữ liệu số ngành giáo dục hiệu quả, phục vụ chuyển đổi số toàn diện, nâng cao chất lượng quản lý, giảng dạy và học tập. Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, đồng bộ, kết nối liên thông với các hệ thống liên ngành, tỉnh và quốc gia. Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu mở phục vụ nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong giáo dục.

2. Yêu cầu

- Các phòng chuyên môn của Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo, đơn vị trực thuộc đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, chủ động tương tác với cha mẹ học sinh và người dân, dựa trên dữ liệu số; chuyển đổi nhận thức từ tra cứu dữ liệu sang chia sẻ, tích hợp, tái sử dụng dữ liệu, từ sở hữu riêng dữ liệu sang chia

sẽ dữ liệu sử dụng chung và cùng hưởng các lợi ích mà dữ liệu mang lại; việc chia sẻ, tích hợp, tái sử dụng dữ liệu là quyền, trách nhiệm của mỗi đơn vị.

- Phát triển, sử dụng dữ liệu phải đi đôi với đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Khai thác, sử dụng dữ liệu phải đảm bảo nguyên tắc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân, doanh nghiệp và các chủ thể liên quan.

- Các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành GD&ĐT và các đơn vị không trùng lặp, chồng chéo và đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của tỉnh và các bộ, ngành trung ương.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Phát triển hạ tầng dữ liệu

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cho ngành giáo dục, sử dụng công nghệ điện toán đám mây, đảm bảo kết nối, chia sẻ và lưu trữ dữ liệu theo hướng dẫn của Sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo, phục vụ công tác quản lý, GDĐT trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của ngành GD&ĐT với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, đáp ứng 100% nhu cầu lưu trữ, thu thập, kết nối và chia sẻ dữ liệu giáo dục, tuân thủ các quy định về an toàn thông tin mạng.

2. Phát triển dữ liệu phục vụ chính quyền số

- 100% các cơ sở dữ liệu trong danh mục dữ liệu quốc liên quan đến giáo dục hoàn thành việc số hóa, cập nhật và đưa vào sử dụng hiệu quả, được kết nối, chia sẻ theo quy định.

- Các cơ sở dữ liệu giáo dục, các hệ thống thông tin quản lý nhà trường, học sinh, giáo viên nằm trong danh mục cơ sở dữ liệu quốc được tích hợp và chia sẻ với các hệ thống quốc gia.

- 100% đơn vị ngành giáo dục trên địa bàn Tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở đảm bảo chất lượng, được kết nối với Kho dữ liệu dùng chung (Kho dữ liệu số) của tỉnh, chia sẻ với Cổng dữ liệu mở, đưa vào khai thác, sử dụng hiệu quả, phục vụ cho các hoạt động chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế số, xã hội số (Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù), đảm bảo người dân chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thực hiện các thủ tục hành chính.

- Tích hợp kết quả xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức vào phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của từng cơ quan, đơn vị; tỷ lệ áp dụng dữ liệu trong phục vụ quản lý điều hành công việc trên môi trường số, trong kiểm tra, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt tối thiểu 70%.

- Từng bước, kết hợp khai thác, sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến để nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân.

3. Phát triển dữ liệu phục vụ giáo dục số

Kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến, đảm bảo hỗ trợ được cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông

4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong giáo dục

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quan trọng của các đơn vị được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ “4 lớp”; đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu học sinh, giáo viên và các cơ sở giáo dục khỏi các nguy cơ từ không gian mạng.

- Triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng quy chế, quy định

Xây dựng, ban hành Quy chế sử dụng, khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Gồm:

- 1.1 Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung ngành GDĐT
- 1.2 Cơ sở dữ liệu về Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- 1.3 Cơ sở dữ liệu quản lý học sinh
- 1.4 Cơ sở dữ liệu nhân sự
- 1.5 Cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất
- 1.6 Cơ sở dữ liệu về chứng từ, kế toán
- 1.7 Cơ sở dữ liệu về bằng tốt nghiệp THPT
- 1.8 Cơ sở dữ liệu trang/cổng TTĐT
- 1.9 Cơ sở dữ liệu về bằng tốt nghiệp THCS

2. Phát triển hạ tầng dữ liệu

Xây dựng và củng cố, hoàn thiện các hạ tầng thu thập và truyền tải dữ liệu; phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên

ngành, gắn kết với phát triển đô thị thông minh.

2.1 Tăng cường trang bị thiết bị, đường truyền Internet và các ứng dụng phục vụ quản lý và dạy học trong ngành, đối với các đơn vị trực thuộc Sở

2.2 Tăng cường trang bị thiết bị, đường truyền Internet và các ứng dụng phục vụ quản lý và dạy học trong ngành, đối với UBND các huyện, thành phố

3. Phát triển dữ liệu

3.1 Cơ sở dữ liệu dùng chung

a. Thu thập khai thác, làm giàu nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu dùng chung phát sinh trong quá trình khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ sở, các đơn vị trực thuộc và Phòng GDĐT huyện, thành phố thực hiện khai thác, làm giàu nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu dùng chung phát sinh trong quá trình khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu sau:

- Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung ngành GDĐT
- Cơ sở dữ liệu về Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Cơ sở dữ liệu quản lý học sinh
- Cơ sở dữ liệu nhân sự
- Cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất
- Cơ sở dữ liệu về chứng từ, kế toán
- Cơ sở dữ liệu về bằng tốt nghiệp THPT
- Cơ sở dữ liệu trang/cổng TTĐT
- Cơ sở dữ liệu về bằng tốt nghiệp THCS

b. Cung cấp, cập nhật đầy đủ, kịp thời các danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở cho các cơ quan, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác sử dụng.

- Tạo kết nối API để cung cấp cho người dân và doanh nghiệp các hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành GDĐT.

- Đưa các lên trang/ cổng TTĐT để người dân tra cứu

c. Triển khai Kho dữ liệu số, Nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng kho dữ liệu học tập của giáo viên và học sinh trên toàn tỉnh.
- Đưa vào vận hành khai thác đáp ứng nhu cầu người học.

d. Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu ngành GDĐT tập trung.

- Kết nối, chia sẻ, liên thông các loại cơ sở dữ liệu hiện có trong ngành GDĐT với nhau và với trực liên thông cơ sở dữ liệu của Tỉnh.

- Hoàn thành các báo cáo có sử dụng nhiều loại cơ sở dữ liệu khác nhau để ra quyết định nhanh chóng, hiệu quả.

e. Cập nhật và khai thác, sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu Quản

lý văn bằng của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Cập nhật số liệu hàng năm bằng chương trình Thi TN THPT để bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống"
- Cung cấp trên cổng THĐT để người dân tra cứu.

3.2 Cơ sở dữ liệu khác

a. Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; thu thập, phát triển dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

- Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; thu thập, phát triển dữ liệu phục vụ đạo, điều hành của Sở GDĐT.
- Tìm giải pháp tốt nhất cho việc số hóa TTHC.

b. Xây dựng kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến, đảm bảo hỗ trợ được cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến.

- Lập kế hoạch, kinh phí xây dựng kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến của Ngành GDĐT.
- Chủ động xây dựng kế hoạch khai thác cho giáo viên và học sinh trong ngành giáo dục và đào tạo.
- Đảm bảo hỗ trợ được cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến, cho tỉnh nhà.

4. Phát triển kết nối, chia sẻ dữ liệu

4.1 Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phát huy tối đa hiệu quả của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh theo Quyết định 1523/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành dịch vụ chia sẻ dữ liệu của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Xây dựng kế hoạch kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Sở GDĐT với Công dịch vụ công tỉnh và các hệ thống liên thông của GDĐT.
- Triển khai API kết nối giữa cơ sở dữ liệu ngành giáo dục với LGSP của tỉnh.
- Cung cấp danh sách đầu mối liên hệ để thực hiện kết nối khi người dân, doanh nghiệp có nhu cầu.

4.2 Kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý cho các bộ ngành, địa phương khai thác, sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành khi có yêu cầu.

- Xây dựng kế hoạch kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Sở GDĐT với Công dịch vụ công tỉnh và các hệ thống liên thông của GDĐT.
- Triển khai API kết nối giữa cơ sở dữ liệu ngành giáo dục với LGSP của tỉnh.
- Xây dựng Dashboard số phục vụ lãnh đạo tỉnh và ngành chỉ đạo, điều hành theo thời gian thực.
- Đảm bảo an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân khi kết nối và chia sẻ dữ liệu.
- Giám sát, tổng hợp báo cáo định kỳ về quá trình kết nối, khai thác dữ liệu và đề xuất hoàn thiện.

5. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

5.1 Trình hồ sơ duyệt cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

- Rà soát, phân loại hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP.
- Lập hồ sơ xác định cấp độ an toàn thông tin, trình Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, phê duyệt.
- Xây dựng phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho từng hệ thống.
- Triển khai giải pháp bảo mật theo 4 lớp bảo vệ, đảm bảo an toàn trong vận hành.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ và cập nhật phương án bảo đảm an toàn khi có thay đổi.
- Lưu trữ hồ sơ, báo cáo kết quả thực hiện hàng năm gửi Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan liên quan.

5.2 Triển khai mô hình bảo vệ “4 lớp” cho tất cả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh.

- Phân loại hệ thống thông tin theo cấp độ, xác định yêu cầu bảo vệ 4 lớp cho từng hệ thống.
- Triển khai 4 lớp bảo vệ: nội bộ cơ quan, tổ chức chuyên trách về CNTT cấp tỉnh, tổ chức giám sát độc lập, và cơ quan chức năng về an toàn thông tin.
- Xây dựng quy trình phối hợp giám sát, xử lý sự cố giữa các lớp bảo vệ.
- Ký kết thỏa thuận phối hợp giám sát giữa Sở GDĐT và Trung tâm Giám sát An toàn không gian mạng tỉnh (SOC) nếu được.
- Tổ chức diễn tập an toàn thông tin định kỳ, đánh giá khả năng phối hợp giữa các lớp bảo vệ.

5.3 Triển khai hệ thống phòng, chống mã độc tập trung và định kỳ

rà quét lỗ hồng bảo mật.

5.4 Triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Triển khai phần mềm phòng chống mã độc tập trung trên toàn bộ máy trạm và máy chủ của Sở GDĐT và các đơn vị trực thuộc.
- Xây dựng quy trình rà quét lỗ hồng bảo mật định kỳ (hàng quý) cho toàn bộ hệ thống thông tin.
- Tích hợp công cụ quét tự động vào các hệ thống cổng thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung.
- Phân công đầu mối chịu trách nhiệm xử lý và khắc phục lỗ hồng ngay khi phát hiện.

5.5 Tổ chức triển khai, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an ninh dữ liệu.

- Xây dựng và ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn ngành giáo dục, bám sát Nghị định 13/2023/NĐ-CP.
- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về quy trình thu thập, xử lý, lưu trữ dữ liệu cá nhân đúng quy định.
- Triển khai công cụ quản lý quyền riêng tư và kiểm soát truy cập dữ liệu trong các hệ thống thông tin của ngành.
- Phối hợp với Sở TT&TT và Trung tâm Giám sát An toàn không gian mạng để giám sát bảo đảm an ninh dữ liệu.
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá tuân thủ định kỳ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí Nhà nước

- Được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

2. Nguồn khác

- Huy động hoặc xã hội hóa các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN (Đính kèm Phụ lục)

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại **phân công tại Phụ lục: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN (đính kèm)**, các Phòng chuyên môn Sở, Phòng Giáo dục các huyện, thành phố, các Đơn vị trực thuộc chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, kinh phí hoặc lồng ghép tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Kế

hoạch này; báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở GDĐT để tổng hợp trước ngày 10/12 hàng năm.

- Văn phòng Sở theo dõi, đôn đốc thực hiện và tổng hợp báo cáo về UBND tỉnh trước ngày 20/12 hằng năm, theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trong ngành GDĐT trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sở GDĐT đề nghị các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ Sở, các Đơn vị trực thuộc và Phòng GDĐT các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH&CN;
- Các Đơn vị trực thuộc Sở;
- Phòng GDĐT các H, TX, TP;
- LĐ Sở GDĐT;
- Phòng CM, NV Sở;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, VP, khanhkc.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Kế Toại

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN
(Đính kèm Kế hoạch số /KH-SGDDT ngày / /2025 của Sở GDĐT)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Xây dựng quy chế, quy định				
1	Xây dựng, ban hành Quy chế sử dụng, khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.			Thường xuyên	
1.1	Cơ sở dữ liệu dùng chung ngành GDĐT	Phòng TCCB	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	
1.2	Cơ sở dữ liệu về Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm	Văn phòng Sở	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	
1.3	Cơ sở dữ liệu quản lý học sinh	Phòng MN-PT và TX	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	
1.4	Cơ sở dữ liệu nhân sự	Phòng TCCB	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	
1.5	Cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất	Phòng KHTC	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	
1.6	Cơ sở dữ liệu về chứng từ, kế toán	Phòng KHTC	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	
1.7	Cơ sở dữ liệu về bằng tốt nghiệp THPT	Phòng QLCL	các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	
1.8	Cơ sở dữ liệu trang/cổng TTĐT	Phòng TCCB	các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1.9	Cơ sở dữ liệu về bằng tốt nghiệp THCS	Phòng GDĐT huyện, TP.	Các trường thuộc Phòng GDĐT	Thường xuyên	
II	Phát triển hạ tầng dữ liệu				
1	Xây dựng và củng cố, hoàn thiện các hạ tầng thu thập và truyền tải dữ liệu; phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành, gắn kết với phát triển đô thị thông minh.	Văn phòng	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở, phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở	2025-2030	
1.1	Tăng cường trang bị thiết bị, đường truyền Internet và các ứng dụng phục vụ quản lý và dạy học trong ngành, đối với các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT	Phòng KHTC	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở, phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở		
1.2	Tăng cường trang bị thiết bị, đường truyền Internet và các ứng dụng phục vụ quản lý và dạy học trong ngành, đối với UBND các huyện, thành phố	Phòng GDĐT huyện, TP	Các trường thuộc Phòng GDĐT		
III	Phát triển dữ liệu				
1	Cơ sở dữ liệu dùng chung				
1.1	Thu thập khai thác, làm giàu nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu dùng chung phát sinh trong quá trình khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu. (Phần mềm quản lý văn bản: qlvbcc.bariavungtau.edu.vn; CSDL ngành GD&ĐT: csdl.moet.gov.vn; Quản lý học sinh: vnedu.vn;...)	Các phòng CM, NV Sở	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	
1.2	Cung cấp, cập nhật đầy đủ, kịp thời các danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở cho các cơ quan,	Tổ chức cán bộ;	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở,	Thường xuyên	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác sử dụng.		phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở		
1.3	Triển khai Kho dữ liệu số, Nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.	Phòng MN-PT và TX	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở, phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở	2025-2026	
1.4	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu ngành GDĐT tập trung.	Văn phòng Sở	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	2025-2026	Thuộc danh mục CSDL dùng chung theo Quyết định số 3826/QĐ-UBND
1.5	Cập nhật và khai thác, sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu Quản lý văn bằng của Sở Giáo dục và Đào tạo.	Phòng Quản lý chất lượng - Giáo dục nghề nghiệp	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	Thuộc danh mục CSDL dùng chung theo Quyết định số 3826/QĐ-UBND
2	<i>Cơ sở dữ liệu khác</i>				
2.1	Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; thu thập, phát triển dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
2.2	Xây dựng kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến, đảm bảo hỗ trợ được cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến.	Phòng Giáo dục Mầm non - Phổ thông và thường xuyên	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	2025-2030	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
IV	Phát triển kết nối, chia sẻ dữ liệu				
1	Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phát huy tối đa hiệu quả của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh theo Quyết định 1523/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành dịch vụ chia sẻ dữ liệu của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2030	
2	Kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý cho các bộ ngành, địa phương khai thác, sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành khi có yêu cầu.	Văn phòng	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở, phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở	Thường xuyên	
V	Đảm bảo an toàn thông tin mạng				
1	Trình hồ sơ duyệt cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.	Tổ chức cán bộ	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	
2	Triển khai mô hình bảo vệ “4 lớp” cho tất cả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh.	Tổ chức cán bộ	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	
3	Triển khai hệ thống phòng, chống mã độc tập trung và định kỳ rà quét lỗ hổng bảo mật.	Tổ chức cán bộ	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	
4	Triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Tổ chức cán bộ	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	2025-2030	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
5	Tổ chức triển khai, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an ninh dữ liệu.	Tổ chức cán bộ	Phòng GDĐT và các Đơn vị trực thuộc Sở	Thường xuyên	